TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2025
"V/v Tranh chấp về xác định mẹ cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều

Bà Trần Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp xác định mẹ cho con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Tạ Thị O, sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: tổ C, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: 2750 1ST AVE E Vancouver BC V5M 1A7, Canada. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: bà Dương Thị N, sinh năm 1951; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (đề nghị vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Dương Thị N1, sinh năm 1949; địa chỉ: B E27 thAVE E Vancouver BC V 2W7, Canada. Vắng mặt (đề nghị vắng mặt).

- Ông Tạ Đức T, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt (đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tạ Thị O trình bày*: bà Dương Thị N và ông Vũ Văn T1 (đã chết năm 2014) sinh được 06 người con, trong đó có chị Tạ Thị O, sinh năm 1970 là con lớn nhất. Do hoàn cảnh khó khăn, bà N đã cho chị O làm con nuôi của bà Dương Thị N1 (bà N1 là chị gái của bà N) và ông Tạ Đức T. Chị O đã được bà N1 và ông T sang Canada sinh sống.

Nay chị O đã trưởng thành, muốn nhận lại mẹ đẻ của mình, chị O đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xác định bà Dương Thị N, sinh năm 1951; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh là mẹ đẻ của chị Tạ Thị O.

** Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Dương Thị N trình bày*: bà Dương Thị N và ông Vũ Văn T1 (đã chết năm 2014), sinh được 06 người con chung. Tạ Thị O, sinh năm 1970 là con lớn nhất, do hoàn cảnh gia đình lúc đó khó khăn, không đủ ăn nên bà N đã cho chị O làm con nuôi vợ chồng chị gái ruột của bà N là bà Dương Thị N1 và ông Tạ Đức T. Sau khi làm xong thủ tục, bà N1 và ông T đã đưa chị O sang Canada sinh sống. Bà N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, xác định bà N là mẹ đẻ của chị O.

** Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1 được hợp pháp hóa lãnh sự tại T2 tại V - Canada ngày 11/6/2025, thể hiện nội dung*: năm 1970, bà Dương Thị N1 và chồng là ông Tạ Đức T có nhận nuôi chị Tạ Thị O, chị O là con đẻ của bà Dương Thị N và ông Vũ Văn T1 (bà N là em gái của bà N1) vì thời gian đó hoàn cảnh gia đình bà N rất khó khăn. Sau khi nhận nuôi chị O, bà N1 và ông T đưa chị O sang Canada sinh sống cho đến nay. Chị O giờ đã trưởng thành, muốn nhận lại mẹ đẻ là bà Dương Thị N, bà N1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, để mẹ con chị O được đoàn tụ. Do bà N1 đang sinh sống tại Canada, nên đề nghị Tòa án cho bà N1 vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp và phiên tòa xét xử vụ án.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tạ Đức T, trình bày*: năm 1970, ông Tạ Đức T và vợ là bà Dương Thị N1 có nhận nuôi chị Tạ Thị O thể hiện tại giấy khai sinh của chị O, tên cha là ông Tạ Đức T và tên mẹ là bà Dương Thị N1. Chị O là con đẻ của bà Dương Thị N và ông Vũ Văn T1 (bà N là em gái của bà N1), do hoàn cảnh gia đình bà N – ông T1 thời gian đó rất khó khăn nên bà N – ông T1 đã cho chị O làm con nuôi của ông T - bà N1. Sau khi nhận nuôi chị O, ông T - bà N1 đã đưa chị O sang Canada sinh sống cho đến nay. Ông T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, xác định bà Dương Thị N là mẹ đẻ của chị O. Do ông T tuổi đã cao, ông T đề nghị Tòa án cho ông T vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp và phiên tòa xét xử vụ án.

* Tại Kết luận giám định số: 729/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Q kết luận: bà Dương Thị N có mối quan hệ huyết thống Mẹ đẻ - con đẻ với chị Tạ Thị O.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị O như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án; các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem

xét tại phiên tòa, nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị O: xác định bà Dương Thị N là mẹ đẻ của chị Tạ Thị O.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị O và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là: *"Tranh chấp xác định mẹ cho con"*; nguyên đơn chị Tạ Thị O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, hiện đang sinh sống tại Canada. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

Trong thời kỳ hôn nhân, bà Dương Thị N, sinh năm 1951; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh và ông Vũ Văn T1, sinh năm 1949 (đã chết năm 2014) sinh được 06 con chung, trong đó có chị Tạ Thị O, sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: tổ C, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: 2750 1ST AVE E Vancouver BC V5M 1A7, Canada. Do hoàn cảnh gia đình bà N - ông T1 khó khăn nên sau khi sinh, bà N – ông T1 đã cho chị O làm con nuôi của bà Dương Thị N1, sinh năm 1949; địa chỉ: B E27 thAVE E V BC V5N 2W7, Canada và ông Tạ Đức T, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (bà N1 là chị gái của bà N), bà N1- ông T đã đưa chị O sang Canada sinh sống từ năm 1970, cho đến nay.

Chị O yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xác định bà Dương Thị N, sinh năm 1951; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh là mẹ đẻ của chị O. Bà Dương Thị N, bà Dương Thị N1 và ông Tạ Đức T đều có quan điểm yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, xác định bà N là mẹ đẻ của chị O.

Tại Kết luận giám định số: 729/KL-KTHS ngày 16/6/2025 của Phòng K - Công an tỉnh Q, kết luận: bà Dương Thị N có mối quan hệ huyết thống Mẹ đẻ - Con đẻ với chị Tạ Thị O.

Căn cứ quy định tại Điều 90; Điều 91; khoản 2 Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị O về việc yêu cầu Tòa án xác định bà Dương Thị N là mẹ đẻ của chị Tạ Thị O.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Dương Thị N được miễn án phí xác cha, mẹ cho con sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: chị Tạ Thị O tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định (đã nộp đủ).

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 147; Điều 159; Điều 161; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 90; Điều 91; khoản 2 Điều 101; Điều 102 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị O.

[1] Về quan hệ xác định mẹ cho con: xác định bà Dương Thị N, sinh năm 1951; nơi thường trú: khu D, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh là mẹ đẻ của chị Tạ Thị O, sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: tổ C, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: 2750 1ST AVE E Vancouver BC V5M 1A7, Canada.

[2] Về án phí: Miễn án phí xác định cha, mẹ cho con sơ thẩm cho bà Dương Thị N.

Trả lại cho chị Tạ Thị O số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006047 ngày 06/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[3] Về chi phí tố tụng: chị Tạ Thị O tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định (đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: chị Tạ Thị O, bà Dương Thị N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Dương Thị N, ông Tạ Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng